

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH BÌNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 17 – 8 – 2022

V/v tranh chấp về hôn nhân và  
gia đình ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Trung.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phan Thanh Tâm.

2. Ông Lê Văn Dài.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Anh Thư là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 17 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 178/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2022 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 76/2022/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phan Thị K, sinh năm 1978.

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn S, sinh năm 1971.

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đ.

*Chị Phan Thị K có mặt tại phiên tòa, anh Trần Văn S vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phan Thị K trình bày:

*Về hôn nhân:* Chị Phan Thị K và anh Trần Văn S kết hôn năm 1998 và có đăng kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Đ vào ngày 04/9/2007. Hôn nhân giữa chị K và anh S được xây dựng trên cơ sở tự tìm hiểu quen biết và kết hôn.

Trong khoảng thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó vợ chồng

thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, hay cãi vã. Anh S nhiều lần đánh đập chị K, ngoài ra anh S còn tham gia vào các tệ nạn xã hội (đá gà, đánh bài, lặc tài xỉu, số đề). Thường ngày anh S không quan tâm chăm sóc gia đình, bỏ mặc vợ con. Chị K nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh S không từ bỏ. Từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, chị K và anh S sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Khoảng thời gian sống ly thân vợ chồng có hàn gắn tình cảm nhưng không thành.

Nay chị Phan Thị K yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn S.

*Về con chung:* Chị K và anh S có một con chung tên Trần Thị Minh T, sinh ngày 17/3/2005. Hiện nay, con chung đang sống chung với chị K. Chị K yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung và nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh Trần Văn S không có Văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án.*

*Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:*

- Đơn khởi kiện (Bản chính); Căn cước công dân của chị Phan Thị K (Bản sao); Sổ hộ khẩu (Bản sao); Xác nhận nơi cư trú của người bị kiện (Bản chính); Giấy khai sinh của Trần Thị Minh T (Bản sao); Giấy chứng nhận kết hôn (Bản chính); Bản khai ngày 23/6/2022 của chị Phan Thị K (Bản chính); Bản khai của cháu Trần Thị Minh Thư ngày 23/6/2022 (Bản chính).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị K và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là “*V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Trần Văn S cư trú tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Trần Văn S được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh S theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Phan Thị K yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn S.

Xét thấy, chị K và anh S kết hôn năm 1998, có đăng ký kết hôn Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Đ vào ngày 04/9/2007, là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Trong quá trình chung sống chị K và anh S phát sinh nhiều mâu thuẫn bất đồng ý kiến, thường hay cãi vã. Anh S nhiều lần đánh đập chị K, ngoài ra anh S còn tham gia vào các tệ nạn xã hội (đá gà, đánh bài, lặc tài xỉu, số đề). Thường ngày anh S không quan tâm chăm sóc gia đình, bỏ mặc vợ con. Chị K nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh S không khắc phục, sửa chữa. Chị K và anh S bắt đầu sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay, khoảng thời gian sống ly thân anh, chị có hàn gắn tình cảm với nhau nhưng không thành. Hơn nữa, chị K xác định, chị và anh S không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, không tạo điều kiện để cho nhau phát triển về mọi mặt.

Như vậy, có cơ sở xác định hôn nhân giữa chị K và anh S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, chị Phan Thị K yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn S là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị Phan Thị K yêu cầu được nuôi con chung tên Trần Thị Minh Thư, sinh ngày 17/3/2005.

Xét thấy, kể từ khi ly thân đến nay chị K là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Trần Thị Minh T. Ngoài ra, chị K xác định, hiện có việc làm ổn định, có thu nhập đảm bảo cho việc nuôi con. Đồng thời tại bản khai ngày 23/6/2022 cháu T có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Do đó, để tránh việc thay đổi môi trường sống, để đảm bảo cho cháu T phát triển toàn diện cả vật chất lẫn tinh thần cần giao cháu T cho chị K nuôi dưỡng. Vì vậy, chị K yêu cầu nuôi con chung tên Trần Thị Minh T, sinh ngày 17/3/2005 là có căn cứ chấp nhận.

*Về nghĩa vụ cấp dưỡng:* Chị Phan Thị K không yêu cầu anh Trần Văn S cấp dưỡng, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phan Thị K xác định là không có, không yêu cầu giải quyết. Anh S không có Văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Phan Thị K phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm,

thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị K.

- *Về hôn nhân*: Chị Phan Thị K được ly hôn với anh Trần Văn S.

- *Về con chung*: Giao con chung tên Trần Thị Minh T, sinh ngày 17/3/2005, cho chị Phan Thị K trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Trần Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị K không yêu cầu.

Chị K và anh S được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Phan Thị K phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0010166 ngày 17/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Chị Phan Thị K đã nộp xong tiền án phí hôn nhân và gia đình.

Anh Trần Văn S không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Đường sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CC THA DS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã T, huyện T, tỉnh Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Minh Trung**